

ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

TRẦN ĐĂNG SUYỀN (Chủ biên)
LÊ LƯU OANH – LÊ TRƯỜNG PHÁT – LÃ NHÂM THÌN

GIÁO TRÌNH
GIẢNG VĂN VĂN HỌC VIỆT NAM

TRONG CHƯƠNG TRÌNH THCS
(SÁCH DÙNG CHO HỆ ĐÀO TẠO TỪ XA)

Tái bản lần thứ hai



HUẾ - 2007

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	2
Lời nói đầu.....	4
Phần I: Văn học dân gian.....	5
Đi san mặt đất.....	5
Truyện con rồng cháu tiên.....	8
Sơn tinh thủy tinh	10
Truyện thuyết về Hồ Gươm.....	12
Thà chết còn hơn	14
Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất	16
Tục ngữ về quan hệ gia đình, thầy trò, bè bạn.....	18
Về con dao.....	20
Về rau	23
Những bài ca giao ân tình, nghĩa tình.....	26
I-Tình cảm gia đình.....	26
II- Tình cảm gia đình (<i>Tiếp</i>).....	29
III- Tình bạn - Tình người - Tình cảm gắn bó với công việc làm ăn và những vật thân thuộc.....	32
IV- Tình bạn - Tình người - Tình cảm gắn bó với công việc làm ăn và những vật thân thuộc (<i>Tiếp</i>).....	34
V- Tình yêu quê hương đất nước.....	37
VI- Tình yêu quê hương đất nước (<i>Tiếp</i>)	39
VII- Thân phận người lao động nghèo khổ trong xã hội cũ.....	41
VIII- Thân phận người lao động nghèo khổ trong xã hội cũ (<i>Tiếp</i>).....	44
IX- Mấy bài ca dao cười cợt.....	46
X- Mấy bài ca dao cười cợt (<i>Tiếp</i>)	48
Phần II: Văn học trung đại.....	50
Hịch tướng sĩ văn.....	50
Bình ngô đại cáo.....	54
Thuật hứng XXIV.....	62
Bạch Đằng hải khẩu.....	65
Chuyện người con gái nam xương.....	67
Vào trịnh phủ.....	69
Hồi thứ mười bốn	71
Chị em Thuý Kiều	74
Kiều gặp Kim Trọng.....	76
Mã Giám Sinh mua Kiều	78
Kiều ở lầu Ngưng Bích	80
Kiều gặp Từ Hải	83
Qua Đèo Ngang.....	85
Đi thi tự vịnh.....	88
Chạy giặc.....	91
Thu điếu.....	93

Bạn đến chơi nhà	95
Câu cá mùa thu	100
Năm mới chúc nhau.....	102
Thương vợ.....	105
Phần III: Văn học hiện đại	107
Ngắm trăng.....	107
Kkông ngủ được	110
Đi đường.....	113
Lấy củi.....	114
Từ ấy.....	117
Dế Mèn phiêu lưu ký	120
Trong lòng mẹ	122
Đồng hào có ma.....	125
Gió lạnh đầu mùa	127
Ông Đồ	130
Nhớ rừng.....	133
Cảnh khuya.....	135
Tức cảnh Pác Bó	137
Lượm	140
Đêm nay Bác không ngủ	143
Cỏ non	146
Ông lão vườn chim	148
Từ CU-BA	150
Ngày công đầu tiên của cu tý	152
Những cánh buồm	154
Làng.....	156
Đồng chí.....	158
Mẹ vắng nhà	161
Cái tết của mèo con	163
Bóp nát quả cam	165
Luyện tập.....	168
Lên đường.....	171
Lặng lẽ SA PA.....	174
Chiếc lược ngà.....	178
Bức tranh	182

LỜI NÓI ĐẦU

Tập sách này chọn phân tích những tác phẩm văn học trong chương trình phổ thông Trung học cơ sở (CCGD). Đối tượng phục vụ là giáo viên và học sinh ở cấp học này.

Giảng dạy tác phẩm văn học là một công việc lý thú, hấp dẫn nhưng cũng đầy khó khăn, một thử thách lớn đối với người giáo viên. Làm thế nào để khám phá, phát hiện chính xác ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm văn học? Và bằng cách nào hướng dẫn cho học sinh có thể tự tìm thấy cái hay, cái đẹp của văn chương? Tác phẩm văn học là một hiện tượng phong phú, phức tạp; cho nên, phân tích nó là một công việc không đơn giản, đòi hỏi cách tiếp cận khoa học, phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Những tác giả của tập sách này, một mặt cố gắng phát huy khả năng và kinh nghiệm của mình, mặt khác cố gắng viết sao cho dễ hiểu và thiết thực. Chúng tôi hy vọng rằng đây là một tài liệu tham khảo tốt cho giáo viên và học sinh, và mong rằng nhận được nhiều ý kiến đóng góp để tập sách này ngày càng hoàn thiện hơn.

Chủ biên

GS. TS. TRẦN ĐĂNG SUYỀN

PHẦN I: VĂN HỌC DÂN GIAN

ĐI SAN MẶT ĐẤT

(Thần thoại dân tộc Lô Lô)

Lịch sử "mấy ngàn, mấy vạn năm" lao động, chinh phục tự nhiên để sáng tạo nên văn minh đã được các thế hệ tổ tiên người Lô Lô nối nhau đúc kết thành cả một hệ thống bài hát thần thoại, với phần lời là những câu thơ thể năm tiếng. Gọi là hệ thống bởi nó gồm nhiều chương khúc. Có khúc hát về thuở còn hoang sơ, trời – đất – con người thoát mới sinh ra, nhờ có ông Sáng là một vị thần khổng lồ làm cột chống mà trời với đất mới phân tách làm đôi, tạo khoảng giữa để người cùng muôn loài có chỗ sinh tồn. Có khúc ngợi ca những người cổ đại, đoàn kết chiến đấu, tiêu diệt lũ thần ác (hình ảnh thần thoại của những trở ngại do thiên nhiên gây ra) để bảo vệ mầm mống văn minh buổi đầu mà con người gây dựng được. Có khúc kể lại những chiến công chinh phục hạn hán, lụt lội và những thành quả vĩ đại phát hiện và ươm trồng những loài cây khác nhau thành rừng phủ xanh mặt đất vốn hoang vu, v.v. Nghe kể thần thoại Lô Lô, ta như sống trong không khí vừa thiêng liêng, huyền bí, vừa tràn ngập niềm hào hứng lao động và sáng tạo, khác nào như khi ta nghe kể thần thoại, truyền thuyết của người Việt (Kinh) thời vua Hùng dựng nước. Đoạn trích giảng đây là một đoạn khúc lấy từ bài ca thần thoại Lô Lô đồ sộ đó.

Ngày xưa, từ rất xưa...

Người già không nhớ nổi

Mấy trăm, mấy nghìn đời⁽¹⁾

Ngày xưa, từ rất xưa...

Người trẻ không biết tới

Mấy nghìn, mấy vạn năm

Lời mở đầu bài ca của nghệ nhân hát – kể thần thoại đã từ từ vén lên bức màn không gian – thời gian trước mắt những người nghe. Dòng thanh âm đều đưa người nghe mỗi lúc rời xa hiện tại, để đắm chìm dần vào quá khứ xa xăm. Lớp thính giả trẻ tuổi lắng nghe và cố hình dung về một thuở hồng hoang. Thuở ấy có nhiều điều diễn ra không giống bây giờ. Con người ngày nay sống thành từng gia đình nhỏ, với những vui, buồn, lo toan riêng tư. Còn vào "thuở ấy" người ta sống quần tụ theo bầy đàn :

Người mặt đất ăn chung

Cùng đi và cùng ở...

.... Người mặt đất sống chung

Cùng ở và cùng đi

Thuở ấy, cây cối còn tự do mọc thành rừng ở bất cứ chỗ nào, người ta đành "trồng bắp trên núi cao". Thuở ấy, con người còn sống trong hang và "uống nước từ bụng đá" chảy ra chẳng khác loài vật là bao, nghĩa là còn lệ thuộc rất nhiều vào những gì sẵn có trong tự nhiên. Không gian sinh tồn của người nguyên thủy ấy cũng khác với không gian xã hội thời văn minh hiện đại. Đây là không gian còn đậm màu sắc thần

(1) Câu này, SGK in nhầm thành "Mấy năm, mấy nghìn đời" làm mất đi vẻ đẹp đăng đối, cân xứng với câu "Mấy nghìn, mấy vạn năm" ở dưới. Những bài ca thần thoại – sử thi thời cổ thường sử dụng lối lặp một câu hát nào đó, chỉ thay đổi một, hai tiếng.

thoại được nhìn nhận qua đôi mắt hồn nhiên của loài người thuở ấu thơ (các nhà nghiên cứu ngày nay bảo đó là không gian sử thi). Vì trời và đất vừa được ông Sáng tách đôi chưa lâu nên "bầu trời nhìn chưa phẳng" (thực ra đó là hình ảnh bầu trời đầy mây dùn lên từng khối lớn nhỏ) và "mặt đất còn nhấp nhô" (người Lô Lô xưa là những cư dân đặt chân sớm lên những triền núi cao lởm chởm thuộc các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng bây giờ, nhìn quanh bốn phía họ chỉ thấy trùng điệp núi rồi lại núi, đã làm gì có nương rẫy, vườn tược, bản làng như bây giờ). Nhưng loài người thuở ấy đã không vừa lòng với những gì thiên nhiên ban sẵn. Niềm mơ ước mãnh liệt, trí tưởng tượng kỳ diệu thúc họ rủ nhau "phải đi san bầu trời, phải đi san mặt đất". Lời thơ trùng điệp tạo âm điệu chắc nịch như vẽ ra cái dũng khí, cái quyết tâm của tổ tiên người Lô Lô lúc đó :

Nhiều sức, chung một lòng

San mặt đất cho phẳng

Nhiều tay, chung một ý

San mặt đất làm ăn

Ở thời hiện đại, chúng ta phân biệt rạch ròi thế giới loài vật với thế giới loài người. Trái lại, trong cách nghĩ còn ấu trĩ và hoang đường của người xưa thì chỉ có một thế giới nguyên khối, toàn vẹn và thống nhất giữa loài người với loài vật. Người và vật cùng sống bên nhau, loài vật cũng có tâm tư, tính nết giống loài người, người và vật có thể nói chuyện với nhau. Thế cho nên khi quyết định làm công việc lớn lao là kiến tạo lại trời và đất, chủ nhân bài ca *Đi san mặt đất* nghĩ ngay đến chuyện "liên minh" với một số loài vật. Đó là một cách ứng xử hợp lý và thông minh : sống giữa thế giới tự nhiên, nếu như muốn sửa chữa, uốn nắn lại thế giới tự nhiên theo hướng có lợi cho mình thì con người phải biết cách dựa vào chính thế giới tự nhiên. Nhưng bài ca cho biết rằng phản ứng của các loài vật không giống nhau. Và trong quan niệm của những người chưa biết phân biệt người với vật thì thái độ của những loài vật khác nhau phản ánh thái độ của những hạng người khác nhau trong lao động. Con trâu là hình ảnh về những người bề ngoài lạng lẽ, âm thầm chăm chỉ làm lụng nhưng bề trong luôn nung nấu quyết tâm lớn lao, dám dũng cảm đương đầu với gian khổ để nâng cao cuộc sống, "chẳng quản gì nhọc mệt" bởi nhận thức được rằng "san đất là việc chung". Còn bọn chuột chũi có thái độ ra sao ? Hãy nghe hán đối đáp :

Gọi hấn, hấn rung râu :

- Suốt ngày trong lòng đất

Tôi có thấy trời đâu ?

Câu trả lời bộc lộ thái độ an phận của những kẻ đốn hèn không biết nhìn xa trông rộng, chẳng dám nghĩ chuyện thay đổi điều kiện sống.

Bọn cóc, ếch thì "tặc lưỡi ngời nhìn", lấy cớ "chân tay tôi đều ngắn" để che giấu sự nhát sợ, ngại khó là hình ảnh sinh động về bọn người lười biếng, không muốn lao động mà lại muốn hưởng thành quả phần đầu của đồng loại.

Như thế là, ngay từ rất xưa, văn học dân gian đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm về tâm lý, lối sống của các hạng người trong xã hội và về tính chất gian khó, phức tạp của công cuộc đấu tranh cải tạo thiên nhiên (trước hết là những gian khó, phức tạp ngay từ việc xác định quyết tâm cho mọi người).

Kinh nghiệm sống được bài ca *Đi san mặt đất* đúc kết không chỉ có thế. Chúng ta nhận thấy phản ứng của mỗi giống vật đều liên quan đến điều kiện riêng của chúng

về tâm vóc, sức lực, khả năng và tập tính sinh hoạt. Chuột chũi quả thật suốt ngày đêm chui lủi trong hang đào dưới đất ; cóc, ếch đúng là chân tay đều ngắn ngủi nhưng lại luôn mồm ộp oạp rất to ; khi trời nắng lâu, hễ chúng kêu nhiều là sắp có mưa (kinh nghiệm quan sát này cũng đã được tổ tiên người Việt đúc kết trong thần thoại *Cóc kiện trời*). Trong số các loài động vật hoang dã, trâu là loài sớm được thuần hoá thành trâu nhà. Chúng giúp con người rất nhiều việc, nhất là trong canh tác nông nghiệp trồng lúa nước ở miền nhiệt đới. Giống trâu nhà có cặp sừng vừa dài, vừa cong, theo kinh nghiệm lựa chọn của nhà nông, là tốt hơn cả... Bấy nhiêu chi tiết về từng loài động vật được bài ca mô tả đã đúc kết những hiểu biết ban đầu của loài người (ở đây là tổ tiên người Lô Lô) về môi trường tự nhiên, về kỹ thuật chăn nuôi, về công việc cày bừa, làm đất chuẩn bị cho gieo trồng,... Những bài học kinh nghiệm ấy có được là nhờ trải qua quá trình bền bỉ, lâu dài lao động, tìm hiểu thế giới tự nhiên. Đó là những bước khởi đầu của tổ tiên chấp cho chúng ta đôi cánh ước mơ vươn lên làm chủ thế giới tự nhiên bao la, đầy bí ẩn. Những hiểu biết ban đầu nhưng vô cùng quan trọng ấy cùng với ý chí và nghị lực, đã giúp những nhóm người Lô Lô tìm đến Việt Nam từ thế kỷ XV đứng vững trên những triền núi chênh vênh nơi địa đầu đất nước cao hơn 1200 mét so với mặt biển. Chính trên quê hương đó, cùng với mồ hôi, sức lực cả máu và nước mắt đã đổ xuống trong sự nghiệp "san mặt đất làm ăn" của con người, thần thoại Lô Lô đã ngân lên những thanh âm trong trẻo, hùng dũng ngợi ca thiên nhiên, ngợi ca sức lao động vĩ đại của con người đã biến thiên nhiên hoang dã, hiểm trở thành thiên nhiên đẹp đẽ, đáng yêu, có ích. Tất nhiên tổ tiên người Lô Lô ngày xưa còn nhiều điều chưa thực hiện được (chẳng hạn việc san bầu trời nghĩa là việc làm chủ hoàn toàn thế giới tự nhiên). Phần việc to lớn và khó khăn ấy lớp con cháu trẻ tuổi ngày nay có nhiệm vụ làm tiếp. Hơn năm mươi dân tộc anh em trên dải đất Việt Nam ngày nay đang kề vai sát cánh lao động sáng tạo, làm nên các nhà máy thủy điện trên sông Đà trên thác Y-a-ly, thác Trị An, làm nên các nhà máy, mở ra các khu kinh tế mới trù phú, các thành phố, thị trấn. Những bài ca thần thoại cổ sơ vẫn đang sống sinh động và sôi nổi trong sự nghiệp của chúng ta hôm nay.

TRUYỆN CON RỒNG CHÁU TIÊN

Truyện là sự giải thích một cách thần kỳ về nguồn gốc của đất nước và dân tộc. Đó là chuyện thuộc về lịch sử. Nhưng để giải thích lịch sử, truyện lại sử dụng những thần thoại cổ sơ theo hướng lịch sử hoá, biến thần thoại thành truyền thuyết. Việc khai sinh giống nòi, công cuộc dựng nước buổi đầu của các đấng tổ tiên mà phảng phất đâu đây bóng dáng những kỳ tích thai thiên lập địa, dựng trời lập đất của các vị thần khổng lồ.

Trước hết, hình ảnh Lạc Long Quân và Âu Cơ mang những nét lạ thường, thần kỳ như những vị thần trong thần thoại. Cả hai đều có nguồn gốc thần linh. Là "con trai thần Long Nữ", Lạc Long Quân là "một vị thần thuộc nòi Rồng". Thần tuy thường phù hợp hơn với cuộc sống dưới nước, nhưng cũng có lúc sống trên cạn. Thần kết duyên với Âu Cơ trên núi, nhưng rồi từ biển hiện lên thần lại trở về biển, khi Âu Cơ gọi thì thần nghe thấy ngay và lập tức hiện lên. Là con của nữ thần Biển, Lạc Long Quân có tâm vóc và sức mạnh của biển cả. Âu Cơ xuất hiện cũng không phải bình thường. Nguồn gốc của Âu Cơ phải khác thường để cân xứng với Lạc Long Quân : nàng là người con gái thuộc "dòng Tiên ở chốn non cao", nghĩa là thuộc dòng dõi thần Núi. Núi cao đất tốt là nơi muôn loài động vật, thực vật sinh ra, được nuôi dưỡng và lớn lên, phát triển đông đảo, tạo nên cuộc sống tươi đẹp, trù phú. Vì thế, lẽ tự nhiên Âu Cơ sẽ trở thành vị thần sinh nở ra các dân tộc trên đất nước ta. Lạc Long Quân là vị Cha thần linh, Âu Cơ trở thành người Mẹ thần kỳ chung của dân tộc Việt Nam ta là như vậy.

Là con của những vị thần linh, hoạt động và kỳ tích của Lạc Long Quân và Âu Cơ cũng phi thường ngang tầm thần linh. Nhờ có "sức khoẻ vô địch" và có cả "nhiều phép lạ" của biển (đối với người xưa, biển vừa bao la vừa sâu thẳm, đầy biến đổi bất ngờ, bí hiểm, vừa đáng sợ vừa đẹp dễ, đáng yêu, vừa gần gũi, vừa khác thường tựa một vị thần có nhiều phép biến hoá kỳ ảo), thần Lạc Long Quân đã lần lượt chiến đấu và chiến thắng những trở ngại ở cả ba miền địa hình đất nước là Ngư Tinh (miền ven biển), Hồ Tinh (miền đồng bằng), Mộc Tinh (miền rừng núi) để giúp đỡ nhân dân – con cháu làm ăn sinh sống. Thần còn bày vẽ cho dân cách trồng trọt, chăn nuôi và ăn ở. Thần có công lớn đặt nền móng cho nền văn minh nông nghiệp của dân tộc, đã tạo dựng cương giới, địa bàn cho lãnh thổ đất nước. Còn Âu Cơ là một nữ thần nên đảm nhiệm chức năng cao quý là sinh nở ra giống nòi con cháu. Nhưng bởi là thần nên sự sinh nở cũng thật thần kỳ. Một nữ thần nòi Tiên trên núi cao kết hôn với một nam thần nòi Rồng tận miền nước thẳm. Cuộc hôn phối giữa hai thần lại sinh ra một bọc trứng (những một trăm trứng – con số ước lệ hàm nghĩa nhiều lắm, nhiều vô kể), từ bọc trứng lại nở ra người (một trăm người con – hình tượng ẩn dụ cho khả năng tăng trưởng không ngừng của dân tộc), tất thấy đều "hồng hào, đẹp dễ lạ thường" – có thể mới xứng đáng với nguồn gốc thần kỳ và cũng là để báo trước rằng dân tộc Việt Nam sẽ là dân tộc hùng mạnh. Đằng sau chi tiết hoang đường thần kỳ đó là cả một niềm tự hào chất phác, mạnh mẽ về phẩm chất cao quý của giống nòi. Mười tám thế hệ vua Hùng mở nước và giữ nước buổi đầu đều thuộc vào số con theo Mẹ Âu Cơ về sinh sống trên miền núi non Bắc Bộ. Điều ấy có nghĩa là nữ thần Âu Cơ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự khai sinh giống nòi, khai sinh Nhà nước đầu tiên của dân tộc. Điều ấy cũng thể hiện truyền thống suy tôn Người Mẹ, biết ơn Người Mẹ của dân tộc Việt Nam ta. Có thể nói hình ảnh Lạc

Long Quân và Âu Cơ gợi nhớ bóng dáng những vị thần khổng lồ trong thần thoại đã có công khai thiên lập địa, tạo nên hình thể ban đầu của mặt đất, mở ra sự sống của muôn loài.

Tuy nhiên, giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ với các vị thần khổng lồ trong thần thoại vẫn có nét khác nhau căn bản. Các vị thần trong thần thoại say sưa tạo dựng vũ trụ cùng muôn loài và sự sống nói chung trên thế gian. Còn Lạc Long Quân và Âu Cơ lại chuyên tâm đặt nền móng cho lãnh thổ đất nước (trên đó, rồi đây các con trai của hai vị sẽ dựng nên nước Văn Lang), tạo lập mầm móng đầu tiên cho nền văn minh của dân tộc. Kỳ tích quan trọng nhất của hai vị là sinh ra giống nòi Việt Nam gồm những tộc người ở miền ngược và những tộc người sống ở miền xuôi, tất cả đều là anh em một mẹ, một cha, một nhà. Việc hai vị thần thuỷ tổ của dân tộc chia con sống ở các miền trên núi và dưới ven biển phản ánh sự lớn mạnh của dân tộc. Rồi còn các chi tiết về sự lên ngôi của các vua Hùng, về việc ra đời nước Văn Lang với kinh đô là Phong Châu vẫn còn đó tới tận ngày nay, về việc tổ chức triều đình, về danh xưng, các chức vụ được sử dụng vào thời đó... tất cả đã tạo thành cái lõi sự thật lịch sử của *Truyện con Rồng cháu Tiên*. Có thể thấy rõ rằng truyện này là kết quả của sự chuyển hoá từ thần thoại thành một truyền thuyết nhằm đề cao lịch sử và nguồn gốc giống nòi – dân tộc – đất nước.

SƠN TINH, THỦY TINH

Vào khoảng tháng bảy, tháng tám hàng năm, đồng bằng Bắc Bộ lại bước vào mùa mưa, lũ sông thường lên rất to, kèm theo dông bão dữ dội nhấn chìm làng xóm, ruộng đồng. Những lúc ấy người dân miền châu thổ sông Hồng lại gọi nhau đắp đê, kè chống lũ lụt. Qua mùa mưa, nước rút, các con sông trở lại hiền hoà. Truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* là lời tổ tiên ta giải thích nguyên nhân của hiện tượng thiên nhiên lặp đi lặp lại như chu kỳ đó. Súc hấp dẫn của truyện là ở ý nghĩa ngợi ca cuộc vật lộn bên bờ để chinh phục tự nhiên, luôn vượt lên cao hơn mực nước để sống và phát triển của dân tộc ta. Nhưng truyện còn cuốn hút niềm say mê của người nghe do nghệ thuật kết hợp lý thú giữa trí tưởng tượng bay bổng với sự thật lịch sử hào hùng.

Truyện kể rằng Thủy Tinh bị thua Sơn Tinh trong lần cầu hôn Mị Nương là con gái vua Hùng. Vì tức giận, Thủy Tinh dâng nước báo thù hòng đánh bại Sơn Tinh, cướp lại nàng công chúa. Chuyện về hiện tượng thiên nhiên hoá ra lại có căn nguyên thần thoại từ chuyện hôn nhân gần gũi với tâm lý xã hội của con người. Những chi tiết về cuộc thi tài giữa hai vị thần là sản phẩm của trí tưởng tượng : Thủy Tinh chỉ cần đứng một chỗ mà "gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa về". Sơn Tinh chỉ cần "vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi". Nhưng trí tưởng tượng ấy vẫn không thoát ly thực tế. Sơn Tinh là thần Núi nên chỉ có thể điều khiển được đồi núi, cồn bãi mọc lên, Thủy Tinh là thần Nước thì chỉ có thể gọi được gió bão, hô được mưa lũ ; hai thần không thể đổi được tài nghệ cho nhau, cũng không ai kiêm được cả hai loại phép lạ đó. Tài năng hai vị như vậy ngang nhau và đều đạt đến mức thần kỳ, đó là hình ảnh nghệ thuật của những lực lượng thiên nhiên hùng vĩ, vĩnh cửu. Đứng trước tài nghệ ấy, Hùng Vương khó xử là phải.

Nhưng nhà vua đã có một giải pháp thật thông minh. Những sính lễ thách cưới do ngày xưa vừa dễ kiếm : "Trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng". Người bình thường cũng có thể sắm được đủ như thế, tuy có hơi vất vả một chút vì số lượng cũng hơi nhiều. Nhưng sính lễ còn gồm cả những thú kỳ lạ, khó kiếm : "Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao". Có thể mới xứng tầm với nàng công chúa "người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu" chứ ! Vả chẳng phải kỳ lạ, khác thường thì cuộc kén rể, thi tài mới đáng là cuộc thi tài, kén rể dành cho đáng thần linh. Nhưng dẫu sao thì đằng sau vẻ hoang đường, thần kỳ ấy vẫn lấp lánh thành tựu của cư dân nước Văn Lang trong việc thuần hoá những giống loài hoang dã thành gia súc, gia cầm. Và nhất là những thú "oái oăm" được chọn để thách đố đó lại chỉ toàn những động vật sống trên cạn và những thực phẩm chế biến từ những nông sản mà Thủy Tinh chưa bao giờ tham gia sản xuất. Như thế thì Hùng Vương đã thiên vị, đã ngầm tạo cơ hội chiến thắng cho Sơn Tinh rồi. Đó cũng là tình cảm, là thái độ ứng xử thực tế của cư dân miền đồng bằng ven sông đối với cồn bãi, núi đồi. Người ta trồng trọt, sinh sống dựa vào cồn bãi, hề có nước lụt thì người ta chạy tránh lên núi cao và thế nào rồi họ cũng thoát được nạn bởi lẽ núi vẫn cao trên mực nước cao nhất.

Cuộc đánh ghen của Thủy Tinh và cuộc chống trả của Sơn Tinh cũng vừa hoang đường vừa hiện thực. Thủy Tinh là thần nên có sức mạnh ghê gớm của lực lượng tự nhiên : hô mưa, gọi gió thì tạo nên bão dông, lũ lụt, "nước ngập ruộng đồng, nước